

SỞ Y TẾ HÀ GIANG
BỆNH VIỆN PHỔI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BV-KD
V/v mời tham gia thẩm định giá

Hà Giang, ngày tháng 6 năm 2023

Kính gửi: Các doanh nghiệp thẩm định giá.

Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang kính mời các Doanh nghiệp có chức năng thẩm định giá tham gia thẩm định giá các mặt hàng Trang thiết bị y tế thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung ứng trang thiết bị y tế năm 2023 - 2024 của Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, để Bệnh viện có cơ sở xây dựng đơn giá kế hoạch cho các gói thầu trên.

Danh mục hàng hóa mời chào thẩm định giá (đính kèm).

Nếu các doanh nghiệp thẩm định giá quan tâm, đề nghị gửi hồ sơ năng lực và bảng phí dịch vụ thẩm định giá về Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang chậm nhất đến 11 giờ 30 phút ngày 30/6/2023.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ năng lực: Khoa Dược - Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang, Tổ 03 Phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang. Điện thoại: 0889.747.779.

Rất mong nhận được sự tham gia từ phía các doanh nghiệp.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Chúc Hồng Phương

DANH MỤC

(Kèm theo công văn số /BV-KD Ngày tháng 6 năm 2023 của Bệnh viện Phổi tỉnh Hà Giang)

TT	Tên hàng hóa	Đặc tính, thông số kỹ thuật, quy cách đóng gói và các tiêu chuẩn	Nước Sx,hãng SX	ĐV tính	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Thành tiền	Giá Kê khai	Mã Kê khai
1	GIƯỜNG BỆNH NHÂN (Giường HSCC) Model: Bsk-D04	Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, 13485 I. Cấu hình, thông số kỹ thuật: Kích thước: Dài x Rộng x Cao: 2160*1100*(460-820)mm 1.Khung giường : Khung giường làm bằng thép sơn tĩnh điện 2.Hai thành đầu giường: Làm bằng nhựa ABS cao cấp, gia cố bằng lõi thép có thể lắp và tháo rời dễ dàng. 3.Bánh xe: Có 04 bánh xe đôi (Loại chuyên dụng dùng cho trường hợp cấp cứu trong Y tế) Kích thước 5 inch có thể xoay 360°, có khóa bánh trung tâm bằng một chạm 4.Mặt giường: Tấm thép có các lỗ, kết hợp với các thanh khớp, bề mặt sơn tĩnh điện bóng dễ vệ sinh, dễ dàng gấp theo các tư thế bệnh nhân. 5.Thành chắn: Bằng 04 tấm nhựa PP/ABS và Aluminum cao cấp kháng khuẩn,linh hoạt có thể gấp sát thành giường 6.Nệm giường: Lớp ngoài : vải nilon , chống thấm , thoáng khí Lớp ngoài : vải nilon , chống thấm , thoáng khí Lớp trong : Có lớp đệm xơ dừa ; chống xẹp 7.Cơ cấu nâng hạ giường Nâng hạ các tư thế giường bằng motor điện thông qua tay cầm điều khiển Góc nâng đầu: 80° ± 10°	Xuất xứ: Trung Quốc Hãng SX: BOSHIKANG	Cái	4	45,000,000	180,000,000	48,000,000	KKG-1259-00035

		Góc nâng chân: $45^{\circ} \pm 10^{\circ}$ Điều chỉnh độ cao : 460 ~ 820 mm Tư thế nâng/hạ: Nâng đầu; nâng chân; nâng chiều cao và đồng thời nâng/hạ phần đầu và phần chân cùng lúc. 8.Cọc truyền: Chất liệu : Bằng inox, đường kính $\geq 1.5\text{cm}$ Lắp thuận tiện ở đầu giường Chiều cao: 800-1400mm 9. Tải trọng: 250kg II. Cấu hình chính: 1. Khung giường 01 Cái 2. Đầu giường (Hồi giường): 02 Cái 3. Bánh xe: 04 Cái 4. Giát giường (Mặt giường): 01 Cái 5.Thành chắn: 04 Cái 6. Đệm giường (Nệm giường): 01 Cái 7. Tay cầm điều khiển: 01 Cái 8. Cọc truyền dịch: 01 Cái							
2	Bơm tiêm điện Model:TE-SS730	Cấu hình bao gồm Máy chính: 01 cái Phụ kiện: Dây nguồn: 01 cái Kẹp cọc truyền: 01 cái	Xuất xứ: Nhật Bản Hãng sản xuất: Terumo	Cái	4	33,000,000	132,000,000	30.686585	KKG-038-00163

Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt:
01 bộ

Thông số kỹ thuật

Có màn hình màu 4,3 inch hiển thị các thông số
Nguồn điện DC:Ắc quy loại sạc bên trong máy hoạt
động liên tục

12 tiếng khi mất điện lưới,

Có thêm pin phụ hỗ trợ báo động trong trường hợp
hỏng ắc quy

và mất điện lưới,

Sử dụng được các cỡ bơm tiêm: 5 mL, 10 mL, 20
mL, 30 mL, 50/60 mL

(Với 17 nhãn bơm tiêm khác nhau)

Chọn chế độ đặt liều: Gồm các chế độ mL/giờ ,
µg/kg/phút, mg/kg/giờ;

Dải cài đặt tốc độ tiêm: 0,01 đến 1200 mL/giờ
tùy thuộc cỡ bơm tiêm

0,01 đến 150 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 5mL)

0,01 đến 300 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 10,20,30
mL)

0,01 đến 1200 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 50/60 mL

Bước đặt:

0,01 mL/giờ (tốc độ từ 0,01 đến 10 mL/giờ)

0,1 mL/giờ (tốc độ từ 10 đến 100 mL/giờ)

1 mL/giờ (tốc độ từ 100 đến 1200 mL/giờ)

Thể tích dịch đặt trước:

0,1 đến 9999 mL

Có chế độ không đặt giới hạn dịch tiêm

Cài đặt thời gian tiêm:

1 phút đến 99 giờ 59 phút

Có chế độ không đặt giới hạn thời gian tiêm

Dải cài đặt liên:

0,01 đến 10 (bước đặt 0,01)

10 đến 100 (bước đặt 0,1)

100 đến 999 (bước đặt 1)

(Đơn vị : $\mu\text{g/kg/phút}$, mg/kg/giờ)

Dải cài đặt cân nặng bệnh nhân: 0,1 - 300 kg

(bước đặt 0,1 kg)

Cài đặt nồng độ pha thuốc:

0,01 đến 10 mg/mL (bước đặt 0,01 mg/mL)

10 đến 100 mg/mL (bước đặt 0,1 mg/mL)

100 đến 999 mg/mL (bước đặt 1 mg/mL)

Cài đặt lượng thuốc:

0,01 đến 10 (bước đặt 0,01)

10 đến 100 (bước đặt 0,1)

100 đến 999 (bước đặt 1)

(Đơn vị: μg , mg)

Cài đặt thể tích dung dịch pha thuốc

0,01 đến 10 mL (bước đặt 0,01 mL)

10 đến 100 mL (bước đặt 0,1 mL)

100 đến 999 mL (bước đặt 1 mL)

Tốc độ tiêm nhanh (bolus) khi ấn và giữ phím:

100 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 5 mL)

100 đến 300 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 10,20,30 mL)

100 đến 1200 mL/giờ (sử dụng bơm tiêm 50/60 mL)

(Bước đặt: 100 mL/giờ)

Thể tích dịch tiêm nhanh khi không ấn và giữ phím:

0,01 đến 10 mL (bước đặt 0,01 mL)

10 đến 100 mL (bước đặt 0,1 mL)

100 đến 999 mL (bước đặt 1 mL)

Thời gian tiêm nhanh khi không ấn và giữ phím :

từ 1 giây đến 60 phút

(Bước đặt: 1 giây)

Hiện thị thể tích dịch đã tiêm: 0 đến 9999 mL

Độ chính xác máy: $\pm \leq 1\%$

Ngưỡng áp lực báo tắc: 10 đến 120 kPa

(có 10 mức để chọn)

Tốc độ tiêm nhanh: Có 5 dải tốc độ trong khoảng từ 150 đến 1200 mL/ giờ

tùy theo cỡ bơm tiêm

Bảo động trong các trường hợp:

Tắc đường tiêm truyền

Gần hết dịch

Đuôi piston của bơm tiêm lắp không đúng

Thân của bơm tiêm lắp không đúng

Ắc quy yếu

Bảo động lại

Bảo động tắt máy

Bảo động khi ắc quy hỏng và mất điện lưới

Nhắc ấn phím START

Chưa cài đặt tốc độ tiêm

Chưa cài đặt thể tích dịch định tiêm

Tốc độ truyền đặt lớn hơn giới hạn thể tích dịch định truyền

Hoàn thành thể dịch đặt trước

Các chức năng an toàn:

Cài đặt bảo động gần hết dịch bằng thời gian

Chọn áp lực báo tắc đường tiêm ở 10 mức

Giảm tốc bolus: giảm áp lực trong bơm tiêm

khi gặp bảo động tắc nghẽn

Cài đặt giới hạn dải tốc độ A (giới hạn mềm)

Cài đặt giới hạn dải tốc độ B (giới hạn cứng)

Khóa bàn phím để tránh ấn nhầm phím khi

máy đang hoạt động

Các chức năng khác:

Hiển thị hướng dẫn lắp bơm tiêm trên màn hình

LCD

Hiển thị nhãn và cỡ bơm tiêm trên màn hình LCD

Chuyển đổi kiểu bơm tiêm

Cài đặt thể tích dịch định tiêm

Cài đặt thời gian định tiêm

Có âm báo ở chế độ Purge/Bolus

	Xóa thể tích dịch đã tiêm Chức năng chờ Cài đặt thời gian chờ theo yêu cầu lên tới 24 giờ Điều chỉnh âm lượng chuông báo động Điều chỉnh âm lượng bàn phím Có âm báo khi ấn phím STOP Điều chỉnh độ sáng của màn hình LCD 5 mức Đặt và báo thời gian bảo trì thiết bị Cài đặt ngày, giờ Lưu và xem dữ liệu: xấp xỉ 10000 sự kiện Phát hiện có nguồn điện lưới AC Có âm báo khi phát hiện có nguồn điện lưới AC Cài đặt giới hạn trên của thể tích Purge/ Bolus Duy trì đường ven mở Xóa thể tích dịch đã tiêm khi máy đang hoạt động Thay đổi tốc độ tiêm khi máy đang hoạt động Chọn giai điệu âm thanh báo động Đặt bước cài đặt 100 lần để rút ngắn thời gian cài đặt Tiêm nhanh (Bolus) bằng cách ấn và giữ phím Tiêm nhanh (Bolus) không cần ấn và ấn phím Chức năng gọi phím tắt Có âm báo khi tắt nguồn							
	TỔNG : 02 Khoản							